Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Hai - Ngày 15/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	N1	N114	70	13	1234------	Nguyễn Mạnh Tuân (1294)	KT2239	Dự án phát triển nông thôn	1412D50A
2	N1	N121	70	40	1234------	Phạm Thị Nhị An (1108)	KE2240	Kế toán quốc tế	1513D10B
3	N1	N123	70	4	1234------	Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư	1412D51A
4	N1	N133	70	24	1234------	Lê Văn Bắc (1237)	KE2224	Phân tích hoạt động kinh doanh	1513D10A
5	N2	N241	70	24	1234------	Nông - Lâm - Ngư Nl01 (NL01)	CN2216	Độc chất học	1412D30A
6	N2	N243	70	5	1234------	Vũ Huyền Trang (1217)	QT2226	Khởi sự doanh nghiệp	1412D11A
7	N3	N331	70	45	1234------	Đặng Lê Tuyết Chinh (1417)	NV2326	Văn học Việt Nam hiện đại II (1945 - 1975)	1513D02A
8	N3	N341	70	19	1234------	Phan Thị Yến (1128)	CN2220	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	1513D13A
9	N3	N343	70	9	1234------	Phạm T Minh Phương (1095)	NH2220	Phân tích tài chính	1412D16A
10	N4	N451	65	4	1234------	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	VH2325	Tài nguyên du lịch	1412D80A
11	N4	N452	80	67	1234------	Phạm Thị Thu Hương (1071)	TA2216	Ngữ nghĩa học	1513D28A
12	N4	N453	65	23	1234------	Triệu Quý Hùng (1091)	HH2240	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	1412D24A
13	N5	N553	60	28	1234------	Nguyễn Thị Thanh Tâm (1106)	TN2377	Số đại số	1412D01A
14	N6	N612	60	29	1234------	Đoàn Thị Loan (1195)	LS2328	Những VĐCB của cuộc CM tư sản thời cận đại	1412D09A
15	N5	N551	60	40	-234------	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1715D28A
Buổi Chiều									
1	N1	N111	70	5	-----6789-	Chử Thị Kim Ngân (1512)	QT2226	Khởi sự doanh nghiệp	1412D11A
2	N1	N114	70	60	-----6789-	Diệp Tố Uyên (1215)	KE2222	Chuyên đề kế toán quản trị	1412D10A
3	N1	N121	70	9	-----6789-	Phạm T Minh Phương (1095)	NH2220	Phân tích tài chính	1412D16A
4	N1	N132	70	42	-----6789-	Phạm Thị Nhị An (1108)	KE2240	Kế toán quốc tế	1513D10A
5	N1	N133	70	7	-----6789-	Đào Hà Vĩnh (1214)	QT2305	Quản trị tài chính	1513D11A
6	N1	N141	70	17	-----6789-	Trần Hoàng Thành Vinh (1451)	KT2237	Chuyên đề kinh tế học	1412D50A
7	N2	N241	70	24	-----6789-	Nông - Lâm - Ngư Nl01 (NL01)	CN2216	Độc chất học	1412D30A
8	N3	N331	70	29	-----6789-	Triệu Lan Hương (1285)	LC2212	Những vấn đề thời đại ngày nay	1412D09A

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Thứ Hai - Ngày 15/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
9	N4	N433	65	48	-----6789-	Trần Văn Hùng (1139)	LS2210	Lịch sử ngoại giao và LS quân sự Việt Nam	1513D09A
10	N4	N441	65	61	-----6789-	Nguyễn Phương Mai (1425)	LS1334	Lịch sử quan hệ quốc tế	1513D18A
11	N5	N543	60	8	-----6789-	Hoàng Thị Lệ Thu (1183)	TT2314	Cây ăn quả	1513D12A
12	N5	N555	60	7	-----6789-	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2316	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	1513D80A
13	N6	N614	60	44	-----6789-	Đặng Lê Tuyết Chinh (1417)	NV2238	Sử thi dân gian các dân tộc ít người ở VN	1513D02A
14	N6	N615	60	52	-----6789-	Dương Thị Mai Huyền (1266)	TA2277	Đất nước học 2	1513D28A
15	NX	XCK1	70	26	-----6789-	Phạm Thị Kim Huệ (1241)	VL2240	Thực hành kỹ thuật điện - điện tử	1412D40A
16	N5	N551	60	40	------789-	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1513D04A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Ba - Ngày 16/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	N1	N114	70	13	1234------	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
2	N1	N121	70	5	1234------	Đỗ Thị Hồng Nhung (1280)	NH2239	Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	1513D16A
3	N1	N123	70	39	1234------	Trần Thị Bích Nhân (1100)	KE2239	Lập và phân tích báo cáo tài chính	1513D10A
4	N1	N131	70	9	1234------	Lê Văn Cương (1431)	NH2321	Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng	1412D16A
5	N1	N132	70	59	1234------	Đỗ Thị Minh Hương (1096)	KE2220	Chuyên đề kiểm toán tài chính	1412D10A
6	N1	N133	70	4	1234------	Nguyễn Mạnh Tuân (1294)	KT2260	Chuyên đề Phân tích lợi ích-chi phí	1412D51A
7	N1	N134	70	7	1234------	Nguyễn Ngọc Quế (1401)	QT2319	Quản trị doanh nghiệp	1412D11A
8	N1	N141	70	2	1234------	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2226	Kỹ năng hướng dẫn du lịch nâng cao	1412D80A
9	N1	N143	70	7	1234------	Trần Thành Vinh (1222)	TT2243	Cỏ dại	1513D12A
10	N1	N144	70	40	1234------	Nguyễn Tài Năng (1098)	CN2315	Dược lý học	1513D30A
11	N2	N222	150	20	1234------	Lê Văn Bắc (1237)	KE2224	Phân tích hoạt động kinh doanh	1513D10B
12	N2	N241	70	24	1234------	Nông - Lâm - Ngư Nl01 (NL01)	CN2216	Độc chất học	1412D30A
13	N4	N431	65	26	1234------	Ngô Thị Thanh Huyền (1204)	TA2367	Dịch nâng cao	1412D28A
14	N4	N451	65	27	1234------	Đặng Lưu Ngọc Hoa (1276)	TA2276	Đất nước học 1	1513D28A
15	N5	N551	60	14	1234------	Nguyễn Hữu Hùng (1101)	VL2337	Vật lý chất rắn	1513D40A
16	N5	N553	60	28	1234------	Nguyễn Xuân Tú (1517)	TN2238	Hàm phức 2	1412D01A
17	N5	N554	60	45	123-------	Quách Phan Phương Nhân (1051)	NV2430	Ngữ pháp và văn bản Tiếng Việt	1513D02A
18	N5	N555	60	5	1234------	Trần Thị Mai Lan (1170)	SH2246	Kĩ thuật dạy học sinh học	1412D23A
19	N6	N612	60	6	1234------	Phạm Thị Phương Loan (1461)	VN2446	Đại cương về du lịch	1412D17A
20	N6	N613	60	52	1234------	Đỗ Thị Bích Liên (1152)	LS1252	Khảo cổ học đại cương và sử liệu học	1513D09A
21	N5	N552	60	40	-234------	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1715D28A

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Thứ Ba - Ngày 16/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Chiều									
1	HDH	HDH403	60	14	-----6789-	Thiều Thị Tài (1209)	TI2324	Lập trình hướng đối tượng	1513D15A
2	N1	N121	70	9	-----6789-	Lê Văn Cương (1431)	NH2321	Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng	1412D16A
3	N1	N123	70	17	-----6789-	Trần Hoàng Thành Vinh (1451)	KT2237	Chuyên đề kinh tế học	1412D50A
4	N1	N131	70	7	-----6789-	Nguyễn Ngọc Quế (1401)	QT2319	Quản trị doanh nghiệp	1412D11A
5	N1	N133	70	7	-----6789-	Vũ Huyền Trang (1217)	QT2213	Quản trị chất lượng	1513D11A
6	N1	N134	70	41	-----6789-	Trần Thị Bích Nhân (1100)	KE2239	Lập và phân tích báo cáo tài chính	1513D10B
7	N1	N143	70	13	-----6789-	Nguyễn Thanh Hòa (1442)	DI2351	Đo lường và thông tin công nghiệp	1513D41A
8	N2	N241	70	24	-----6789-	Nông - Lâm - Ngư Nl01 (NL01)	CN2216	Độc chất học	1412D30A
9	N4	N431	65	38	-----6789-	Lê Thị Bích Ngọc (1288)	DL2264	Địa lí tự nhiên miền nhiệt đới	1412D06A
10	N4	N433	65	4	-----6789-	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	VH2325	Tài nguyên du lịch	1412D80A
11	N4	N442	80	61	-----6789-	Nguyễn Huyền Trang (1201)	TN2324	Xác suất thống kê 3	1513D01A
12	N4	N453	65	35	-----6789-	Lê Thị Thu Trang (1181)	TQ2429	Phiên dịch 2	1513D18A
13	N5	N552	60	27	-----6789-	Đặng Lưu Ngọc Hoa (1276)	TA2276	Đất nước học 1	1513D28A
14	N5	N553	60	49	-----6789-	Đoàn Anh Phượng (1163)	LC2313	PP giảng dạy môn giáo dục công dân	1513D09A
15	N5	N554	60	16	-----6789-	Trần Trung Kiên (1129)	SH2427	Di truyền học	1513D23A
16	N6	N611	60	16	-----6789-	Nguyễn Thị Hà (1445)	VN2255	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1513D02A
17	N6	N612	60	28	-----6789-	Triệu Thị Hương Liên (1083)	LS2227	Những cải cách và tư tưởng CC trong LS VN	1412D09A
18	N6	N613	60	8	-----6789-	Nguyễn Hữu Hùng (1101)	VL2328	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	1513D40A
19	N6	N614	60	5	-----6789-	Đào Thị Thùy Hương (1264)	NN2318	Tiếng Anh du lịch 2	1513D80A
20	N6	N615	60	18	-----6789-	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2258	Du lịch quốc tế	1513D81A
21	NX	XCK1	70	26	-----6789-	Trần Thị Thu Trang (1147)	VL2240	Thực hành kỹ thuật điện - điện tử	1412D40A
22	N5	N551	60	40	------789-	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1513D04A
23	N5	N555	60	40	------789-	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1715D04A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Tư - Ngày 17/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	HDH	HDH401	70	41	1234------	Nguyễn Thị Thu Hương (1177)	TI2245	Tin học ứng dụng	1513D10A
2	HDH	HDH402	60	20	123-------	Vũ Thị Thu Minh (1144)	TI2325	Công nghệ phần mềm	1513D15A
3	HDH	HDH804	80	21	1234------	Nguyễn Thị Tố Loan (1141)	TA2325	Phiên dịch 2	1513D04A
4	N1	N114	70	13	1234------	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
5	N1	N121	70	60	1234------	Phùng Thị Khang Ninh (1104)	KE2321	Chuyên đề kế toán tài chính	1412D10A
6	N1	N123	70	7	1234------	Nguyễn Ngọc Quế (1401)	QT2319	Quản trị doanh nghiệp	1412D11A
7	N1	N131	70	4	1234------	Nguyễn Mạnh Tuân (1294)	KT2260	Chuyên đề Phân tích lợi ích-chi phí	1412D51A
8	N2	N222	150	40	1234------	Phạm Thị Nhị An (1108)	KE2240	Kế toán quốc tế	1513D10B
9	N2	N241	70	9	1234------	Nguyễn Thị Yến (1272)	NH2229	Đầu tư tài chính	1412D16A
10	N4	N432	80	10	1234------	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	DL2268	Địa lý du lịch Việt Nam	1513D81A
11	N4	N441	65	45	123-------	Quách Phan Phương Nhân (1051)	NV2237	LLDH Ngữ văn 2 (PPDH TV - Tập làm văn)	1513D02A
12	N4	N444	65	47	1234------	Trần Anh Tuấn (1172)	TN2233	Hình học vi phân 2	1412D01A
13	N4	N451	65	54	1234------	Đào Thị Thùy Dương (1150)	TQ1203	Tiếng Trung (3)	1513D28A
14	N4	N454	65	34	1234------	Khoa Học Tự Nhiên Tn01 (TN01)	HH2247	Tổng hợp hữu cơ	1412D24A
15	N5	N543	60	8	1234------	Hoàng Thị Lệ Thu (1183)	TT2314	Cây ăn quả	1513D12A
16	N5	N552	60	36	1234------	Vi Thị Hạnh Thi (1232)	DL2362	PPDH địa lí theo hướng tích cực	1412D06A
17	N5	N553	60	26	1234------	Ngô Thị Thanh Huyền (1204)	TA2367	Dịch nâng cao	1412D28A
18	N5	N554	60	24	1234------	Nguyễn Thị Hằng (1464)	TN2222	Phương trình vi phân	1513D08A
19	N5	N555	60	5	1234------	Nguyễn Thị Ngọc Liên (1218)	SH2344	Di truyền học người	1412D23A
20	N6	N612	60	2	1234------	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2226	Kỹ năng hướng dẫn du lịch nâng cao	1412D80A
21	N6	N613	60	31	1234------	Cao Huy Phương (1082)	VL2254	Nhập môn lý thuyết trường lượng tử	1412D40A
22	N6	N614	60	11	1234------	Nguyễn Thị Thu Hằng (1073)	NN2313	Tiếng Anh chuyên ngành	1513D16A
23	N5	N551	60	40	-234------	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1715D04A

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Thứ Tư - Ngày 17/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Chiều									
1	HDH	HDH804	80	22	-----6789-	Nguyễn Thị Tố Loan (1141)	TA2325	Phiên dịch 2	1513D04A
2	N1	N111	70	13	-----6789-	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
3	N1	N114	70	9	-----6789-	Phạm T Minh Phương (1095)	NH2220	Phân tích tài chính	1412D16A
4	N1	N121	70	59	-----6789-	Đỗ Thị Minh Hương (1096)	KE2220	Chuyên đề kiểm toán tài chính	1412D10A
5	N1	N131	70	42	-----6789-	Phạm Thị Nhị An (1108)	KE2240	Kế toán quốc tế	1513D10A
6	N1	N133	70	24	-----6789-	Nguyễn Ngọc Minh Tuấn (1182)	TY2213	Miễn dịch học ứng dụng	1513D30A
7	N1	N134	70	5	-----6789-	Vũ Huyền Trang (1217)	QT2226	Khởi sự doanh nghiệp	1412D11A
8	N1	N141	70	15	-----6789-	Thiều Thị Tài (1209)	TI2314	Hệ điều hành	1513D15A
9	N1	N142	70	14	-----6789-	Hà Duy Thái (1418)	DI2417	Hệ thống cung cấp điện	1513D41A
10	N1	N143	70	4	-----6789-	Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư	1412D51A
11	N3	N331	70	12	-----6789-	Nguyễn Thị Quyên (1430)	CN2330	Bệnh truyền nhiễm	1513D13A
12	N3	N341	70	7	-----6789-	Nguyễn Thị Cẩm Mỹ (1169)	TT2358	Cây lương thực	1513D12A
13	N4	N432	80	70	-----6789-	Đặng Thị Bích Hồng (1191)	NV2234	VH phương tây 1 (Hi Lạp cổ đại, Anh, Bắc Mĩ – Mĩ la tinh)	1513D02A
14	N4	N441	65	4	-----6789-	Đặng Lưu Ngọc Hoa (1276)	NN1209	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học	1513D17A
15	N4	N442	80	73	-----6789-	Lưu Thị Thu Huyền (1247)	TN2225	Hàm phức 1	1513D01A
16	N4	N444	65	5	-----6789-	Bùi Thị Hải Linh (1153)	TG2227	Tâm lý du khách	1513D80A
17	N5	N551	60	6	-----6789-	Nguyễn Thị Huyền (1219)	VN2347	Nghiệp vụ du lịch 3	1412D17A
18	N5	N553	60	51	-----6789-	Đào Thị Thùy Hương (1264)	TA2230	Tiếng Anh kinh tế	1513D28A
19	N5	N555	60	15	-----6789-	Cao Phi Bằng (1126)	SH2424	Sinh lý học thực vật	1513D23A
20	N6	N611	60	48	-----6789-	Nguyễn Thị Ngọc Dung (1405)	LS2320	Quan hệ quốc tế từ cuối thế kỷ XIX đến nay	1513D09A
21	N6	N612	60	7	-----6789-	Nguyễn Thị Phương Thảo (1275)	TA2271	Công nghệ dạy và học ngoại ngữ	1513C04A
22	N6	N614	60	32	-----6789-	Lương Phượng (1261)	TQ2221	Ngữ âm - Văn tự Hán	1513D18A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Năm - Ngày 18/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	HDH	HDH401	70	16	1234------	Nguyễn Thị Thu Hương (1177)	TI2245	Tin học ứng dụng	1513D10B
2	N1	N114	70	60	1234------	Phùng Thị Khang Ninh (1104)	KE2321	Chuyên đề kế toán tài chính	1412D10A
3	N1	N121	70	5	1234------	Hoàng Mai Thảo (1155)	TT2207	Canh tác học	1513D12A
4	N1	N132	70	9	1234------	Phạm Phương Thảo (1436)	NH2229	Đầu tư tài chính	1412D16A
5	N1	N133	70	17	1234------	Trần Hoàng Thành Vinh (1451)	KT2237	Chuyên đề kinh tế học	1412D50A
6	N1	N134	70	21	1234------	Hoàng Thị Phương Thúy (1433)	CN2219	Bệnh sản khoa	1412D30A
7	N1	N142	70	32	1234------	Trần Anh Tuyên (1448)	CN2218	Công nghệ sinh sản	1513D30A
8	N1	N143	70	4	1234------	Nguyễn Thị Hà (1445)	VN2211	Lịch sử - Văn hoá Phú Thọ	1513D17A
9	N2	N213	70	42	1234------	Trần Quốc Hoàn (1203)	NH2227	Thuế nhà nước	1513D10A
10	N2	N243	70	5	1234------	Nguyễn Việt Liên Hương (1474)	QT2225	Kỹ năng và quản trị bán hàng	1412D11A
11	N3	N331	70	29	1234------	Triệu Lan Hương (1285)	LC2212	Những vấn đề thời đại ngày nay	1412D09A
12	N3	N343	70	13	1234------	Nguyễn Văn Quyết (1420)	DI2214	Thực tập kỹ thuật nhóm ngành điện	1513D41A
13	N4	N441	65	44	1234------	Đào Thị Thùy Hương (1264)	TA2230	Tiếng Anh kinh tế	1513D04A
14	N4	N451	65	38	1234------	Lê Thị Bích Ngọc (1288)	DL2264	Địa lí tự nhiên miền nhiệt đới	1412D06A
15	N4	N452	80	8	1234------	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	VH2219	Kỹ năng thuyết trình	1412D80A
16	N4	N453	65	60	1234------	Vũ Thị Quỳnh Dung (1052)	TA2218	Văn học Anh - Mỹ	1513D28A
17	N4	N454	65	54	1234------	Toàn Quang Tiến (1246)	CD2211	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	1513D09A
18	N5	N551	60	2	1234------	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2246	Chuyên đề hướng dẫn suốt tuyến	1412D81A
19	N5	N554	60	6	1234------	Nguyễn Thị Thanh Hương (1125)	SH2245	Hệ sinh thái nông nghiệp	1412D23A
20	N6	N615	60	69	1234------	Nguyễn Huyền Trang (1201)	TN2223	Quy hoạch tuyến tính	1513D01A

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Thứ Năm - Ngày 18/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Chiều									
1	HDH	HDH402	60	15	-----6789-	Đinh Thái Sơn (1208)	TI2329	Lập trình ứng dụng mạng	1513D15A
2	N1	N114	70	13	-----6789-	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
3	N1	N121	70	7	-----6789-	Nguyễn Ngọc Quế (1401)	QT2319	Quản trị doanh nghiệp	1412D11A
4	N1	N131	70	4	-----6789-	Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư	1412D51A
5	N1	N133	70	15	-----6789-	Nguyễn Thị Xuân Viên (1099)	TT2216	Khuyến nông	1513D13A
6	N1	N134	70	9	-----6789-	Lê Văn Cương (1431)	NH2321	Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng	1412D16A
7	N3	N332	70	31	-----6789-	Nguyễn Thị Ngọc (1262)	LC1303	Đường lối CM của Đảng CSVN	1513D10B
8	N3	N341	70	7	-----6789-	Nguyễn Thị Kim Thơm (1221)	TT2309	Bệnh cây nông nghiệp	1513D12A
9	N4	N432	80	14	-----6789-	Bình Yên (1400)	HH2248	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	1513D24A
10	N4	N433	65	6	-----6789-	Nguyễn Thị Huyền (1219)	VN2347	Nghiệp vụ du lịch 3	1412D17A
11	N4	N441	65	59	-----6789-	Nguyễn Thị Tố Loan (1141)	TA2221	Lý thuyết dịch	1513D28A
12	N4	N442	80	62	-----6789-	Đỗ Tùng (1033)	TN2311	Phương pháp dạy học cụ thể 2	1513D01A
13	N4	N454	65	30	-----6789-	Lê Thị Thu Hà (1507)	TQ2233	Tiếng Hán du lịch	1513D18A
14	N5	N551	60	33	-----6789-	Đào Văn Yên (1443)	TA2231	Giao tiếp giao văn hoá	1513D04A
15	N5	N553	60	16	-----6789-	Nguyễn Huyền Trang (1201)	TN2284	Hình học sơ cấp và thực hành giải toán	1513D08A
16	N5	N555	60	12	-----6789-	Nguyễn Thị Thanh Hương (1125)	SH2376	Sinh lý học người và động vật	1513D23A
17	N6	N611	60	48	-----6789-	Trần Văn Hùng (1139)	LS2210	Lịch sử ngoại giao và LS quân sự Việt Nam	1513D09A
18	N6	N612	60	2	-----6789-	Phạm Thị Phương Loan (1461)	VH2245	Chuyên đề kinh doanh lữ hành	1412D81A
19	N6	N614	60	21	-----6789-	Phan Thị Hồng Giang (1423)	VH2408	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1513D81A
20	N6	N615	60	45	-----6789-	Quách Phan Phương Nhân (1051)	NV2430	Ngữ pháp và văn bản Tiếng Việt	1513D02A
21	NX	XCK1	70	26	-----6789-	Phạm Thị Kim Huệ (1241)	VL2240	Thực hành kỹ thuật điện - điện tử	1412D40A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Sáu - Ngày 19/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	N1	N111	70	13	1234------	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
2	N1	N121	70	60	1234------	Phùng Thị Khang Ninh (1104)	KE2321	Chuyên đề kế toán tài chính	1412D10A
3	N1	N123	70	38	1234------	Trần Thị Bích Nhân (1100)	KE2213	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	1513D10A
4	N1	N131	70	4	1234------	Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư	1412D51A
5	N1	N132	70	5	1234------	Nguyễn Việt Liên Hương (1474)	QT2225	Kỹ năng và quản trị bán hàng	1412D11A
6	N1	N134	70	13	1234------	Hà Duy Thái (1418)	DI2227	Tự động hóa quá trình sản xuất	1513D41A
7	N1	N143	70	7	1234------	Trần Thị Thúy Sinh (1454)	QT2307	Quản trị Marketing	1513D11A
8	N1	N144	70	9	1234------	Lê Văn Cương (1431)	NH2304	Tài chính quốc tế	1513D16A
9	N2	N222	150	40	1234------	Trần Quốc Hoàn (1203)	NH2227	Thuế nhà nước	1513D10B
10	N3	N332	70	51	1234------	Lưu Thế Vinh (1110)	LC2218	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	1412D09A
11	N4	N432	80	37	1234------	Nguyễn Thị Thịnh (1081)	DL2263	Địa lí các ngành công nghiệp trọng điểm ở Việt Nam	1412D06A
12	N4	N441	65	69	1234------	Phạm Thị Thu Hương (1071)	TA2216	Ngữ nghĩa học	1513D04A
13	N4	N452	80	7	1234------	Nguyễn Thị Hoa (1054)	TA2361	Kỹ năng tổng hợp	1513C04A
14	N4	N453	65	23	1234------	Bình Yên (1400)	HH2246	PPDH HH ở trường PT theo hướng tích cực	1412D24A
15	N4	N454	65	44	1234------	Đặng Thị Bích Hồng (1191)	NV1211	Dẫn luận thi pháp học	1513D02A
16	N5	N554	60	22	1234------	Nguyễn Thị Thanh Hương (1125)	SH2232	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	1412D23A
17	N6	N612	60	49	1234------	Nguyễn Thị Kim Ngân (1521)	LS2212	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử	1513D09A
18	N6	N613	60	4	1234------	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	VH2325	Tài nguyên du lịch	1412D80A
19	N6	N614	60	29	1234------	Nguyễn Thị Thu Hằng (1073)	TA2352	Phương pháp giảng dạy bộ môn 1	1513D28A
20	NX	XCK1	70	26	1234------	Trần Thị Thu Trang (1147)	VL2240	Thực hành kỹ thuật điện - điện tử	1412D40A

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Thứ Sáu - Ngày 19/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Chiều									
1	N1	N111	70	9	-----6789-	Lê Văn Cương (1431)	NH2321	Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng	1412D16A
2	N1	N114	70	43	-----6789-	Trần Thị Bích Nhân (1100)	KE2213	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	1513D10B
3	N1	N121	70	13	-----6789-	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
4	N1	N131	70	4	-----6789-	Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)	KT2359	Chuyên đề kinh tế đầu tư	1412D51A
5	N2	N242	70	10	-----6789-	Trần Anh Tuyên (1448)	CN2347	Thú y cơ bản	1513D13A
6	N3	N332	70	31	-----6789-	Lưu Thế Vinh (1110)	LC1303	Đường lối CM của Đảng CSVN	1513D15A
7	N3	N343	70	36	-----6789-	Bùi Thị Lý (1034)	LC1303	Đường lối CM của Đảng CSVN	1513D10A
8	N4	N431	65	7	-----6789-	Nguyễn Thị Phương Thảo (1275)	TA2271	Công nghệ dạy và học ngoại ngữ	1513C04A
9	N4	N432	80	14	-----6789-	Nguyễn Văn Nghĩa (1196)	TN2314	Số học	1513D08A
10	N4	N433	65	32	-----6789-	Ngoại Ngữ Nn04 (NN04)	TQ2225	Đất nước học Trung Quốc	1513D18A
11	N4	N441	65	6	-----6789-	Nguyễn Thị Huyền (1219)	VN2347	Nghiệp vụ du lịch 3	1412D17A
12	N4	N442	80	59	-----6789-	Đặng Thị Phương Thanh (1165)	TN2234	Phương trình đạo hàm riêng	1513D01A
13	N4	N453	65	8	-----6789-	Chu Thị Thanh Hiền (1187)	VH2219	Kỹ năng thuyết trình	1412D80A
14	N5	N552	60	8	-----6789-	Nguyễn Thị Hồng Thoa (1180)	VL2375	Phân tích chương trình Vật lý phổ thông	1513D40A
15	N5	N555	60	13	-----6789-	Nguyễn Thị Thanh Hương (1125)	SH2278	Tiến hóa	1513D23A
16	N6	N611	60	2	-----6789-	Phạm Thị Phương Loan (1461)	VH2245	Chuyên đề kinh doanh lữ hành	1412D81A
17	N6	N612	60	47	-----6789-	Đoàn Thị Loan (1195)	LS2258	Những vấn đề cơ bản của các cuộc CM tư sản thời cận đại	1513D09A
18	N6	N613	60	30	-----6789-	Nguyễn Thị Thu Hằng (1073)	TA2352	Phương pháp giảng dạy bộ môn 1	1513D28A
19	N6	N614	60	49	-----6789-	Bộ Môn Toán Gt (CN01)	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí	1412D40A
20	N5	N553	60	40	------789-	Giáo viên tình nguyện (Kỹ năng nói)			1513D04A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Thứ Bảy - Ngày 20/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	N1	N131	70	17	1234------	Trần Hoàng Thành Vinh (1451)	KT2237	Chuyên đề kinh tế học	1412D50A
2	N4	N432	80	23	1234------	Nguyễn Tiến Mạnh (1085)	TN2279	Chuyên đề đa thức và phân thức hữu tỉ	1412D01A
3	N6	N614	60	49	1234------	Bộ Môn Toán Gt (CN01)	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí	1412D40A
Buổi Chiều									
1	N1	N131	70	17	-----6789-	Trần Hoàng Thành Vinh (1451)	KT2237	Chuyên đề kinh tế học	1412D50A
2	N6	N614	60	49	-----6789-	Bộ Môn Toán Gt (CN01)	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí	1412D40A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In P2050

Kiểm Tra Thực Hiện Giảng Dạy

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Chủ Nhật - Ngày 21/01/18

STT	Dãy	Phòng	Sức chứa	Sĩ Số	Tiết	CBGD/Diễn Giải	Mã MH	Học phần	Mã Lớp
Buổi Sáng									
1	N1	N111	70	13	1234------	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
2	N6	N614	60	49	1234------	Bộ Môn Toán Gt (CN01)	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí	1412D40A
Buổi Chiều									
1	N1	N111	70	13	-----6789-	Lê Thị Thanh Thủy (1109)	KT2338	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	1412D50A
2	N6	N614	60	49	-----6789-	Bộ Môn Toán Gt (CN01)	VL2277	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Vật lí	1412D40A

In Ngày 10/01/18

Phú Thọ, Ngày 10 tháng 01 năm 2018
Người lập biểu